

TỔNG CÔNG TY  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

Số: **190** /TNB

V/v công bố thông tin báo cáo  
thường niên năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Cần Thơ, ngày 27 tháng 03 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên đơn vị: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.
- Mã chứng khoán: PSW.
- Trụ sở chính: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
- Điện thoại: (0292) 3765 080; Fax: (0292) 3765 078
- Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Thanh Tùng**.  
Địa chỉ: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Điện thoại: (0292) 3765 079 Fax: (0292) 3765 078.
- Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ  
(Công ty đánh dấu X vào mục cần công bố).
- Nội dung công bố thông tin: Báo cáo thường niên năm 2023.
- Địa chỉ Website: [www.psw.vn](http://www.psw.vn), đăng tải toàn bộ báo cáo thường niên năm 2023.

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

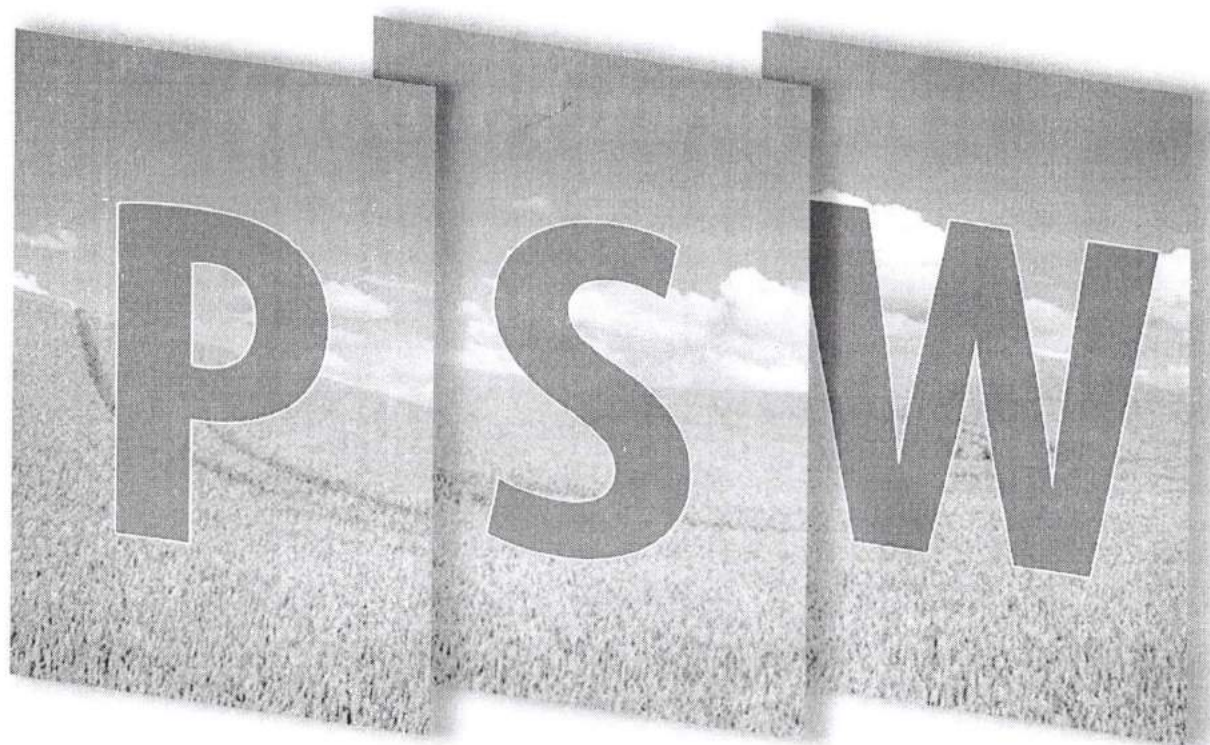
- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGĐ Công ty;
- P.TCHC, P. TCKT, P.KD, BBTWebsite;
- Lưu: VT, PHN.



**Lê Thanh Tùng**



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023



## Mục lục

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG .....	2
1. Thông tin khái quát .....	2
2. Quá trình hình thành và phát triển .....	2
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh .....	3
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	3
5. Định hướng phát triển .....	4
6. Các rủi ro .....	5
PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023 .....	5
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....	5
2. Tổ chức và nhân sự .....	6
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án .....	6
4. Tình hình tài chính .....	7
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: .....	7
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của PSW. ....	8
PHẦN III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH .....	9
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: .....	9
2. Tình hình tài chính: .....	9
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: .....	10
4. Kế hoạch phát triển trong năm 2024: .....	10
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của PSW: .....	10
PHẦN IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	11
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của PSW .....	11
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BDH Công ty. ....	11
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị. ....	11
PHẦN V. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....	12
1. Hội đồng Quản trị: .....	12
2. Ban kiểm soát: .....	14
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BDH và BKS: .....	15
3.1. Thù lao của HĐQT, BDH và BKS .....	15
PHẦN VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....	16



## PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch:  
Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ  
Tên tiếng Anh: SOUTH WEST PETROVIETNAM FERTILIZER AND CHEMICALS JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: PSW
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1800722461
- Vốn điều lệ: 170.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 151/18 Trần Hoàng Na, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
- Số điện thoại: (0292) 3765 079                      Số fax : (0292) 765 078
- Website: [www.psw.vn](http://www.psw.vn)
- Mã chứng khoán: PSW
- Biểu tượng công ty:



### 2. Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 08/07/2004, Giám đốc Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo) đã có quyết định số 288/QĐ-TCHC về việc thành lập Tổ Thị trường Miền Tây Nam Bộ.
- Ngày 14/01/2007, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam có quyết định 077/QĐ-HĐQT thành lập Chi nhánh Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí tại Cần Thơ.
- Ngày 19/09/2007, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí đã ra quyết định số 017/QĐ-HĐQT về việc thành lập Chi nhánh Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí tại Cần Thơ.
- Ngày 27/12/2007, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí đã ra quyết định về việc đổi tên Chi nhánh Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí tại Cần Thơ thành Xí nghiệp trực thuộc Công ty.
- Ngày 07/08/2008, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí đã ra quyết định về việc thành lập Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.
- Ngày 24/12/2010, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí đã ra quyết định về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ thành Công ty cổ phần.
- Sau khi hoàn thiện các thủ tục pháp lý, ngày 31/12/2010, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Cần Thơ cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 1800722461 cho Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.
- Kể từ ngày 01/01/2011 đến nay, Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Quy định của Luật doanh nghiệp Việt Nam.
- Ngày 25/03/2014, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán.
- Ngày 30/06/2015, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra quyết định chấp thuận niêm yết.



- Ngày 21/07/2015, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ chính thức khai trương phiên giao dịch đầu tiên với mã cổ phiếu là PSW.
- Ngày 07/07/2023, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ đã được Sở kế hoạch Đầu tư Tp. Cần Thơ chấp thuận thay đổi nội dung giấy phép kinh doanh.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

#### 3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh phân bón.
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Bốc xếp hàng hóa.
- Đại lý, môi giới, đấu giá.
- Vận tải hàng hóa thủy nội địa.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Quảng cáo.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Bán buôn vật tư nông nghiệp, giống, hạt giống cây trồng, con giống thủy hải sản các loại. Dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan. Xuất nhập khẩu phân bón, hóa chất và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, hàng nông lâm thủy hải sản.
- Nhân và chăm sóc cây giống,
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
- Xây xát và sản xuất bột thô.
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp.

(Chi tiết lĩnh vực kinh doanh được cập nhật tại trang Web: [www.psw.vn](http://www.psw.vn).)

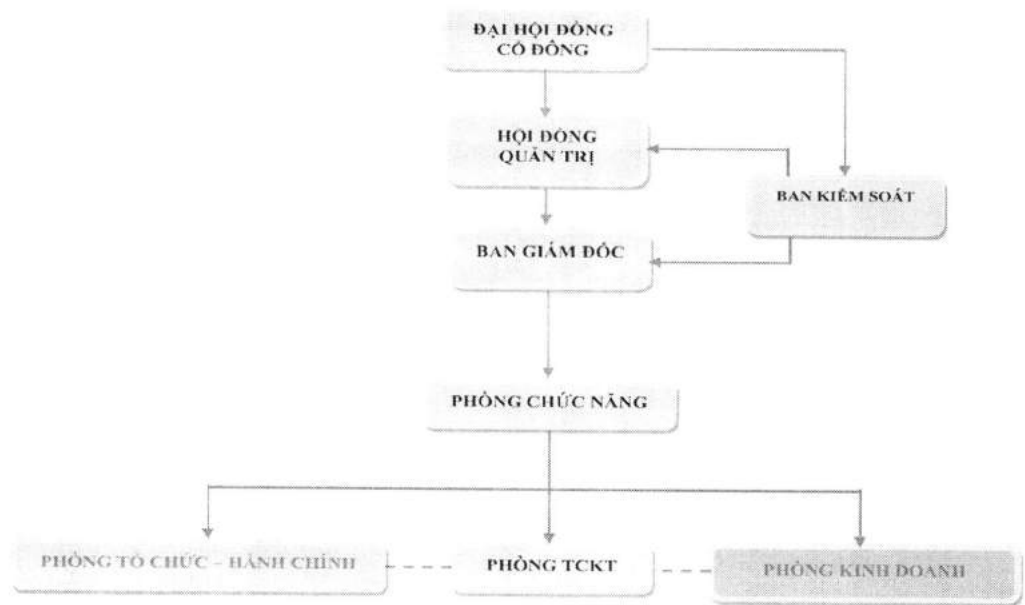
#### 3.2. Địa bàn kinh doanh:

Các hoạt động kinh doanh của Công ty có địa bàn chính tại khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) và trụ sở của Công ty đặt tại Thành phố Cần Thơ.

### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

#### 4.1. Mô hình quản trị:

PSW là Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:



#### 4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

4.2.1 Đại Hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ): Cơ quan có thẩm quyền cao nhất Công ty.

4.2.2 Ban Kiểm soát (BKS): Cơ quan giám sát Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động SXKD.

4.2.3 Hội Đồng quản trị (HDQT): Cơ quan quản lý Công ty do Đại Hội đồng Cổ đông bầu ra và hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam.

4.2.4 Ban Điều hành (BDH)

- Giám đốc (GD): Người đại diện theo pháp luật, trực tiếp điều hành hoạt động SXKD tại Công ty.
- Phó Giám đốc (PGĐ) phụ trách nội chính, kế hoạch đầu tư, mua sắm, công tác điều độ hàng hóa và nghiên cứu phát triển.

4.2.5 Các phòng nghiệp vụ gồm 03 phòng chức năng: Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Kinh doanh.

### 5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của PSW:

- Tiếp tục phát huy và giữ vững thị phần phân Đạm Phú Mỹ tại ĐBSCL.
- Từng bước chiếm lĩnh thị phần và xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm Phân bón Phú Mỹ.
- Đa dạng hóa sản phẩm:
- + Phát triển thêm các sản phẩm cộng thêm cũng như các sản phẩm phân bón khác phù hợp với nhu cầu, thổ nhưỡng khu vực ĐBSCL.
- + Kinh doanh thương mại các sản phẩm nhập khẩu có chất lượng, giá thành phù hợp, có uy tín.
- Nghiên cứu thị trường, tìm cơ hội, đối tác trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dược theo hướng xanh, sạch và thân thiện với môi trường.
- Tập trung củng cố, hoàn thiện hệ thống phân phối nhằm tối ưu hóa hệ thống kho bãi của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP (DPM) và PSW đã đầu tư, đảm bảo phục vụ kinh doanh phân bón tại ĐBSCL đạt hiệu quả cao nhất.
- Xây dựng và duy trì đội ngũ CBNV chất lượng cao, chuyên nghiệp, hiệu quả; đặc biệt đội ngũ bán hàng, marketing, dịch vụ kỹ thuật giỏi về nông nghiệp, am hiểu khách hàng, thị trường.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Phấn đấu trở thành doanh nghiệp kinh doanh và phân phối phân bón, nông dược hàng đầu tại ĐBSCL. Chủ động và tích cực tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của PSW:



Trong định hướng hoạt động, PSW xác định việc phát triển sản xuất kinh doanh đi đôi với việc bảo vệ môi trường và chia sẻ trách nhiệm cùng xã hội là một trong những tiêu chí luôn được PSW đề cao.

- Áp dụng mọi biện pháp để loại trừ hoặc giảm thiểu các rủi ro gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.
- Sản xuất kinh doanh đi đôi với bảo vệ môi trường.
- Đồng hành cùng bà con nông dân: Hướng dẫn sử dụng phân bón, kỹ thuật nông nghiệp, cung cấp thông tin nông nghiệp cho nông dân như thông tin thời tiết, sâu bệnh, giá cả nông sản,....
- Cùng DPM triển khai thực hiện các chương trình an sinh xã hội trên địa bàn.

## 6. Các rủi ro

### Những rủi ro trong quá trình thực hiện chiến lược:

- Sản phẩm kinh doanh chủ lực của PSW là phân đạm trong bối cảnh thị trường cung đã vượt xa cầu dẫn đến có sự cạnh tranh gay gắt, biên lợi nhuận ngày càng giảm.
- Tình trạng phân bón giả, phân bón kém chất lượng chưa được kiểm soát chặt chẽ tạo ra sự cạnh tranh không lành mạnh và thiệt hại cho nông dân cũng như các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh các sản phẩm đảm bảo chất lượng và tuân thủ các quy định.
- Chi phí đầu vào cho hoạt động sản xuất, kinh doanh phân bón ngày càng tăng, đặc biệt là chi phí cho các hoạt động chăm sóc khách hàng, khuyến mãi, chi phí tiếp thị, bán hàng.
- Diễn biến khí hậu bất thường, tình hình chính trị thế giới phức tạp, dịch bệnh trong nông nghiệp thường xuyên xảy ra gây thiệt hại lớn cho sản xuất nông nghiệp; Giá cả nông sản luôn bấp bênh và ẩn chứa nhiều rủi ro trong sản xuất nông nghiệp đã tác động đến việc tái đầu tư trong sản xuất nông nghiệp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của PSW.
- Diện tích đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp do tiến trình đô thị hóa, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

## PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đvt: Đồng

CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
<b>1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>3.257.465.831.408</b>
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	3.215.649.118.441
<b>3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp</b>	<b>41.816.712.967</b>
4. Doanh thu hoạt động tài chính	828.166.436
5. Chi phí tài chính	1.512.500.356
6. Chi phí bán hàng	26.238.496.802
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.303.593.354
<b>8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>-409.711.109</b>
9. Thu nhập khác	3.285.694.958
10. Chi phí khác	169.500.879
<b>11. Lợi nhuận khác</b>	<b>3.116.194.079</b>
<b>12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>2.706.482.970</b>



CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	644.802.539
<b>14. Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>2.061.680.431</b>

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đvt: Tỷ đồng

Stt	Các chỉ tiêu	TH 2022	KH 2023	TH 2023	(%) TH 2023/KH 2023	(%) TH 2023/TH 2022
1	Tổng doanh thu (thuần)	3.505,08	2.870,18	3.261,58	113,64%	93,05%
2	Tổng chi phí	3.490,91	2.865,13	3.258,87	113,74%	93,35%
3	Lợi nhuận trước thuế	14,17	5,04	2,71	53,66%	19,10%
4	Lợi nhuận sau thuế	11,20	4,04	2,06	51,09%	18,41%

## 2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

2.1.1. Giám đốc Công ty:

+ Ông Nguyễn Công Bằng Giới tính: Nam.

+ Ngày sinh: 1977

+ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

2.1.2. Phó Giám đốc phụ trách nội chính:

+ Ông Lê Thanh Tùng Giới tính: Nam

+ Ngày sinh: 1978

+ Trình độ: Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng

2.1.3. Kế toán trưởng:

+ Bà Ngô Thị Hồng Nga Giới tính: Nữ

+ Ngày sinh: 1983

+ Trình độ: Cử nhân kinh tế

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

2.3.1 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Diễn giải	Số lượng lao động cuối kỳ (người)	Tỷ lệ %
Thạc sĩ	05	9%
Đại học	45	80%
Cao Đẳng	01	2%
Trung cấp	03	5%
Lao động phổ thông	02	4%
Tổng cộng	56	

2.3.2 Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- PSW luôn thực hiện tốt chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho toàn thể CBCNV.
- PSW luôn quan tâm để đảm bảo và không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

## 3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Trong năm 2023, PSW không thực hiện công tác đầu tư XDCB. Công tác mua sắm tài sản, trang thiết bị luôn tuân thủ đúng các quy trình và quy định liên quan. Quán triệt chủ trương tiết kiệm chống lãng phí nên PSW chỉ thực hiện mua sắm

khi có nhu cầu thực sự đồng thời lựa chọn nhà cung cấp theo chào giá cạnh tranh nên đơn giá hàng hóa mua sắm thường thấp hơn giá kế hoạch.

#### 4. Tình hình tài chính

##### 4.1. Tình hình tài chính

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng (+), giảm (-)	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	285.704	284.755	-949	-0,33%
Doanh thu thuần	3.499.197	3.257.466	-241.731	-6,91%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.466	-410	-9.876	-104,33%
Lợi nhuận khác	4.707	3.116	-1.591	-33,80%
Lợi nhuận trước thuế	14.173	2.706	-11.467	-80,90%
Lợi nhuận sau thuế	11.198	2.062	-9.136	-81,59%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	136,64%	412,29%	276%	201,73%

##### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

Các chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
<b>4.2.1. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Thanh toán ngắn hạn:			
TSNH/Nợ ngắn hạn	3,78	3,21	
+ Thanh toán nhanh:			
$\frac{\text{TSNH-Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	1,66	2,30	
<b>4.2.2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Nợ NH/Tổng tài sản	24,53%	29,08%	
+ Nợ NH/Vốn chủ sở hữu	32,51%	41,00%	
<b>4.2.3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
$\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$	30,72	28,70	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	12,25	11,44	
<b>4.2.4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,32%	0,06%	
+ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	5,19%	1,02%	
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,92%	0,72%	
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,27%	-0,01%	

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

##### 5.1. Cổ phần:

- + Tổng số cổ phần của PSW là 17.000.000 (mười bảy triệu) cổ phần
- + Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- + Mệnh giá cổ phiếu: 10.000đ/cổ phiếu

##### 5.2. Cơ cấu cổ đông:

- + Cổ đông là tổ chức:
  - DPM: chiếm 75% vốn điều lệ.
  - Các tổ chức khác (tỷ lệ dưới 5%/tổ chức): chiếm 2,4% vốn điều lệ.
- + Cổ đông là cá nhân: 22,6% vốn điều lệ.

##### 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- + Tổng vốn đầu tư của PSW là 170.000.000.000 (Một trăm bảy mươi tỷ đồng).

+ Không có thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

5.5. Các chứng khoán khác: Không.

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của PSW.**

### **6.1. Công tác quản lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, nước:**

Với mô hình là công ty chuyên kinh doanh và phân phối, không trực tiếp sản xuất nên rất ít rác thải công nghiệp (chủ yếu là bao bì hư hỏng, bóng đèn, giẻ lau dầu mỡ) và sử dụng ít nguyên vật liệu, năng lượng và nước.

### **6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

- Trong năm 2023, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.
- Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, kịp thời phổ biến, triển khai đến các đơn vị đảm bảo các quy định của pháp luật được áp dụng phù hợp; Đồng thời, định kỳ tổ chức rà soát, cập nhật các quy trình/quy định về ATSKMT - CL để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế phát sinh.
- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các hoạt động công tác môi trường, thường xuyên tiến hành kiểm tra định kỳ, đột xuất đảm bảo an toàn tuyệt đối về con người, hàng hóa, giữ môi trường làm việc sạch sẽ, gọn gàng và nâng cao ý thức tiết kiệm các nguồn tài nguyên, chi phí của Công ty.
- Thực hiện đo kiểm mức độ ô nhiễm tại các kho định kỳ 6 tháng/lần, đảm bảo môi trường làm việc cho CBNV và có chế độ bồi dưỡng phù hợp.
- Định kỳ thực hiện kiểm tra, giám sát công tác an toàn trong quá trình kinh doanh, giao nhận hàng hóa, đảm bảo tuân thủ các quy định, ngăn ngừa và giảm thiểu các nguy cơ mất an toàn, các vi phạm môi trường.
- Công tác quản lý chất thải được tuân thủ đúng và đầy đủ theo yêu cầu của pháp luật: bố trí kho chứa chất thải nguy hại, thùng chứa rác thải nguy hại theo đúng yêu cầu. Chất thải rắn, chất thải nguy hại phải được đăng ký, phân loại, thu gom và lưu trữ tạm thời để xử lý.
- Duy trì, tăng cường công tác vệ sinh, trồng cây xanh, tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp ở Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

### **6.3. Chính sách liên quan đến người lao động:**

- Lao động cuối kỳ năm 2023 là 56 người (bình quân năm 2023 là 55 người). Công ty luôn đảm bảo chế độ lương, thưởng và phúc lợi xã hội theo yêu cầu của Pháp luật hiện hành.
- Tổ chức khám sức khỏe cho CBNV nhằm phát hiện bệnh nghề nghiệp hoặc các loại bệnh khác để có biện pháp chữa trị, thông báo, kiểm tra chuyên sâu kịp thời cho CBNV.
- Theo dõi và thực hiện giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm tại các bếp ăn tập thể đảm bảo không xảy ra sự cố ngộ độc thực phẩm cho CBNV.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ phụ cấp cho mạng lưới an toàn vệ sinh viên và CBNV làm việc thường xuyên tại các kho, cảng.
- Công tác đào tạo: trong năm 2023, PSW tập trung xây dựng và triển khai công tác đào tạo bám sát nhu cầu đào tạo của đơn vị. Đã triển khai 19 khóa đào tạo với 180 lượt người/kế hoạch 80 lượt. Ngoài ra Công ty tích cực tham gia đầy đủ các khóa đào tạo do Tổng Công ty tổ chức. Bên cạnh đó, Công ty tham gia chương trình trao đổi nhân sự với Tổng Công ty và được đánh giá thiết thực, có hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Cả nhân sự của Tổng Công ty cũng như nhân sự Công ty tham gia chương trình đều phát huy được năng lực, đóng góp hữu ích cho hoạt động của đơn vị cũng như Ban NCPT& TT.

### **6.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**



- Triển khai thực hiện tặng quà tết cho gia đình chính sách, gia đình nghèo ở các tỉnh ĐBSCL và khu vực nơi PSW đặt trụ sở Văn Phòng và kho cảng của Công ty.
- Tổ chức các hội thảo, hội nghị, mô hình trình diễn, hướng dẫn kỹ thuật cho bà con nông dân khu vực ĐBSCL nhằm hướng tới canh nông nghiệp tác hiệu quả, bền vững.

**6.5. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không**

**PHẦN III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

**1.1. Phân tích tổng quan về hoạt động của PSW:**

Diễn biến tình hình phân bón thế giới và trong nước có nhiều biến động phức tạp với sự đoàn kết, nỗ lực cùng tập thể CBCNV quyết tâm, đề ra nhiều giải pháp để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu ĐHCĐ/HĐQT giao. Ban điều hành sẽ đánh giá nghiêm túc về những nguyên nhân, tồn tại cũng như đưa ra các giải pháp để thực hiện tốt hơn trong năm 2024.

**1.2. Những tiến bộ PSW đã đạt được:**

- Hệ thống quản trị của PSW được thiết lập, cải tiến, ngày càng phát huy tác dụng.
- Tái cấu trúc bộ máy công ty ngày càng tinh gọn.
- Công tác sáng kiến, ý tưởng mới ngày càng được phát huy, đã hỗ trợ nâng cao chất lượng hoạt động của các bộ phận chức năng trong Công ty.
- Công tác đào tạo, đào tạo nội bộ được cải tiến giúp nâng cao trình độ nghiệp vụ và kỹ năng cho CBCNV toàn Công ty.
- Hệ thống phân phối được củng cố phát triển bền vững, thiết lập và xây dựng hệ thống Cấp 2...
- Công ty tiếp tục giữ vững được niềm tin đối với khách hàng, thương hiệu Phân bón Phú Mỹ tại khu vực ĐBSCL vẫn được bà con nông dân tin dùng.

**2. Tình hình tài chính:**

**2.1. Tình hình tài sản**

Chỉ tiêu	Cuối năm 2022	Cuối năm 2023	Đvt: Triệu đồng Tăng/giảm	
			Giá trị	%
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>264.824</b>	<b>265.782</b>	<b>958</b>	<b>0,36%</b>
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	84.904	63.876	-21.028	-24,77%
+ Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	28.872	124.123	95.251	329,91%
+ Hàng tồn kho	148.631	75.473	-73.158	-49,22%
+ Tài sản ngắn hạn khác	2.417	2.310	-107	-4,42%
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>20.880</b>	<b>18.973</b>	<b>-1.907</b>	<b>-9,13%</b>
+ Tài sản cố định	20.117	18.470	-1.647	-8,19%
+ Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-	-
+ Tài sản dài hạn khác	763	503	-260	-34,02%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>285.704</b>	<b>284.755</b>	<b>-949</b>	<b>-0,33%</b>

Tổng tài sản của Công ty cuối năm 2023 là: 284,755 tỷ đồng, giảm 0,949 tỷ đồng, tương ứng giảm 0,33% so với cuối năm 2022.

Nguyên nhân: Tổng giá trị tài sản cuối năm 2023 giảm chủ yếu do các khoản tiền và tương đương tiền giảm 21,028 tỷ đồng, tương ứng giảm 24,77% và hàng tồn kho giảm 73,158 tỷ đồng, tương ứng giảm 49,22% so với cuối năm 2022.

## 2.2. Tình hình nợ phải trả:

Chỉ tiêu	Cuối năm 2022	Cuối năm 2023	Tăng/giảm	
			Giá trị	%
<b>A. Nợ ngắn hạn</b>	<b>70.093</b>	<b>82.795</b>	<b>12.702</b>	<b>18,12%</b>
+ Phải trả người bán	54.774	56.612	1.838	3,35%
+ Người mua trả tiền trước	2.814	18.051	15.237	541,48%
+ Thuê và các khoản phải nộp cho nhà nước	688	192	-496	-72,13%
+ Phải trả cho người lao động	5.640	4.065	-1.575	-27,92%
+ Chi phí phải trả	380	917	537	141,25%
+ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	790	62	-728	-92,21%
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.007	2.897	-2.110	-42,15%
<b>B. Nợ dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>70.093</b>	<b>82.795</b>	<b>12.702</b>	<b>18,12%</b>

Tổng nợ phải trả năm 2023 là 82,795 tỷ đồng, tăng 12,702 tỷ đồng, tương ứng 18,12% so với cuối năm 2022.

Nguyên nhân: Tổng nợ phải trả tăng chủ yếu do khoản người mua trả tiền trước tăng 15,237 tỷ đồng so với cuối năm 2022.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

PSW đã ban hành bổ sung đầy đủ các quy chế, quy trình và quy định cơ bản phù hợp và nâng cao chất lượng bộ máy tổ chức phục vụ kinh doanh.

### 4. Kế hoạch phát triển trong năm 2024:

- Kinh doanh có hiệu quả **267.000** tấn phân bón các loại.
- Tiếp tục cải tiến chính sách tiền lương phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Duy trì và phát triển hệ thống kênh phân phối bền vững, hiệu quả.
- Xây dựng đội ngũ kinh doanh chuyên nghiệp, hiệu quả.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý phương thức quản lý kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ.

### 5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của PSW:

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: PSW luôn tuân thủ đúng mục tiêu "phát triển đi đôi với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội" trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về môi trường.
- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Bên cạnh việc đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, PSW còn đặc biệt quan tâm đến việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, rèn luyện kỹ năng, kinh nghiệm và văn hóa làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả cho người lao động.
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty phối hợp cùng DPM chủ động, tích cực phối hợp cùng chính quyền địa phương các tỉnh ĐBSCL trong các hoạt động phát triển cộng đồng cũng như các hoạt động An sinh xã hội.



## PHẦN IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của PSW

- Năm 2023 là năm thứ (13) mười ba PSW hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, là một năm tình hình thế giới diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến cung cầu phân bón trong nước. Giá phân bón giảm, sức mua giảm, rủi ro đối với hàng tồn kho giá vốn cao. Nhu cầu tiêu thụ trải dài đã dẫn đến áp lực về vấn đề tiêu thụ, tài chính, hàng tồn kho cao.
- Trước những khó khăn và thuận lợi trong năm 2023 với sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của cổ đông lớn PVFCCo, sự phối hợp và hỗ trợ của khách hàng, đối tác, sự ủng hộ của Cổ đông cùng với sự nỗ lực, quyết tâm của HĐQT, BGD cũng như CBNV, PSW đã nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 được ĐHĐCĐ giao, với kết quả cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ thực hiện 2023/KH năm 2023
1	Sản lượng kinh doanh	Tấn	277.100	314.154	113,37%
2	Tổng doanh thu	Tỷ VNĐ	2.870,18	3.261,58	113,64%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	5,04	2,71	53,66%

### 2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BĐH Công ty.

- Giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho Phó Giám đốc phụ trách theo mảng để triển khai thực hiện.
- BGD đã tổ chức triển khai tốt các nghị quyết, quyết định của HĐQT để mang lại hiệu quả cao nhất cho PSW trong năm 2023.
- BGD đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật, quy chế, quy định trong hoạt động điều hành kinh doanh.
- BGD đã chỉ đạo các Phòng chức năng trực thuộc rà soát, bổ sung, cập nhật quy chế, quy trình, quy định để ban hành phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế trong kinh doanh.
- BGD đã chủ động thực hiện đẩy mạnh công tác thị trường, hệ thống phân phối, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh PSW với khách hàng và bà con nông dân trong khu vực.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- Tiếp tục tổ chức bộ máy và hoạt động của HĐQT chuyên nghiệp, trách nhiệm. Phân công, phân nhiệm rõ ràng, cụ thể nhằm tăng hiệu quả hoạt động của HĐQT.
- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh năm 2024 do ĐHĐCĐ thông qua.
- Giám sát các hoạt động của BGD và các cán bộ quản lý Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của PSW đạt được mục tiêu, hoàn thành nhiệm vụ và phát triển bền vững. Bảo vệ và phát triển uy tín, hình ảnh và thương hiệu các sản phẩm của PSW cung cấp tới khách hàng và nông dân.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ, bất thường và lấy ý kiến để giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Tiếp tục chỉ đạo cập nhật, chỉnh sửa các quy chế, quy định, quy trình đang áp dụng tại PSW cho phù hợp với luật pháp và tình hình thực tế. Triển khai xác định mô hình kinh doanh phù hợp cũng như áp dụng công nghệ 4.0 vào quản lý và



nhân sự có chất lượng cao, có trình độ chuyên môn vững vàng và phù hợp để đảm bảo tối ưu hóa kết quả hoạt động PSW.

- Tiếp tục rà soát, cập nhật và cụ thể hóa chiến lược phát triển PSW đến năm 2035, định hướng đến năm 2045.
- Quan tâm và bảo vệ tối đa quyền lợi hợp pháp cho cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác được ĐHDCĐ giao.

## PHẦN V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng Quản trị:

#### 1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

HĐQT với 03 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ theo chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. Danh sách và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và Tên	Tổng số (%)	Trong đó		Ghi chú
			Tỷ lệ CP đại diện (%)	Tỷ lệ CP SH cá nhân (%)	
1	Phạm Quý Hiện	45,03	45,00	0,00	Người đại diện phần vốn theo quyết định 211/QĐ-PBHC ngày 01/07/2021
3	Chu Văn Hách	0	0	0	
2	Nguyễn Công Bằng	30,00	30,00	0,00	

#### 1.2 Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT:

HĐQT không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho các thành viên phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra, giám sát các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT ra Quyết định/Nghị quyết, đồng thời chỉ đạo, đôn đốc BĐH Công ty triển khai thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công.

#### 1.3 Hoạt động của HĐQT:

##### 1.3.1 Các cuộc họp của HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Phạm Quý Hiện	CT. HĐQT	4/4	100%	
2	Nguyễn Công Bằng	TV.HĐQT	4/4	100%	
3	Chu Văn Hách	TV.HĐQT	4/4	100%	

1.3.2 Năm 2023, HĐQT đã tổ chức 4 cuộc họp HĐQT, 14 lần lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản để thông qua một số nghị quyết/quyết định như sau:

Stt	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
03	03/NQ-TNB	17/01/23	NQ vv chấp thuận Quỹ lương thực hiện năm 2022 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
04	04/NQ-TNB	31/01/23	NQ vv chấp thuận kế hoạch kinh doanh 2023 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
05	05/NQ-TNB	08/02/23	NQ vv điều chỉnh Hệ thống thang bảng lương

Stt	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
06	06/TNB-HĐQT	20/02/23	V/v Đề xuất công tác cán bộ của Công ty
07	07/NQ-TNB	22/02/23	V/v Công tác cán bộ
08	08/NQ-TNB	28/02/23	V/v họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 của PSW
09	09/NQ-TNB	02/03/23	V/v Công tác cán bộ
10	01/QĐ-TNB	09/03/23	V/v Ông Nguyễn Thành Công thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
11	02/QĐ-TNB	09/03/23	V/v Bổ nhiệm cán bộ
12	10/NQ-TNB	28/03/23	Nghị quyết về việc thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của PSW
13	11/NQ-TNB	03/04/23	Về việc thông qua thời gian tổ chức và tài liệu phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2023 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
14	03/QĐ-TNB	07/04/23	Vv cử cán bộ đi công tác nước ngoài
15	12/NQ-TNB	07/04/23	NQ phiên họp Quý I/2023 của HĐQT CTY
16	04/QĐ-TNB	12/04/23	V/v Bổ nhiệm cán bộ ông Lê Thanh Tùng tiếp tục đảm nhận chức vụ Phó Giám đốc công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
17	05/NQ-ĐHĐCĐ	25/04/23	Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
18	06/NQ-ĐHĐCĐ	25/04/23	Nghị quyết về việc ban hành Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
19	06A/QĐ-ĐHĐCĐ	25/04/23	Quyết định bổ sung ngành nghề kinh doanh của công ty (bổ sung hồ sơ giấy phép thay đổi ngành nghề)
20	07/QĐ-TNB	08/05/23	Về việc thông qua định mức đầu tư tiền gửi tại các TCTD và phê duyệt kế hoạch dòng tiền năm 2023 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
21	13/NQ-TNB	06/07/23	Về việc phê duyệt đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023
22	14/NQ-TNB	18/07/23	NQ phiên họp Quý II/2023 của Hội đồng quản trị Công ty
23	08/QĐ-TNB	24/07/23	Quyết định Vv ban hành Quy chế Quản lý Tài chính của Công ty Cổ phần phân bón và hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
24	09/QĐ-TNB	14/08/23	QĐ về việc ban hành quy trình công bố thông tin
25	15/NQ-TNB	22/08/23	NQ Về việc trả cổ tức năm 2022 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
26	16/NQ-TNB	24/10/23	NQ Phiên họp Quý III/2023 của Hội đồng quản trị

Stt	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
			Công ty
27	10/QĐ-TNB	25/12/23	QĐ về việc ban hành quy chế Quản lý nợ của Công ty Cổ phần phân bón và Hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ
28	17/NQ-TNB	28/12/23	NQ về việc chấp thuận điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
29	18/NQ-TNB	28/12/23	NQ về việc chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
30	19/NQ-TNB	29/12/23	Về việc phê duyệt và giao kế hoạch lao động, tiền lương 2023 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
31	02/NQ-TNB	29/01/24	NQ Phiên họp Quý IV/2023 của Hội đồng quản trị Công ty

1.4 Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị:

Các thành viên HĐQT thành viên BKS, Giám đốc điều hành và Thư ký Công ty đã tham gia khóa học về quản trị Công ty. Ngoài ra, Người công bố thông tin, Chủ tịch HĐQT đã tham gia các hội thảo chuyên đề về cập nhật Luật, thông tư, Quan hệ nhà đầu tư và quan hệ công chúng do UBCKNN, trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tổ chức.

2. Ban kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu của BKS:

- BKS đương nhiệm gồm 3 thành viên, cơ cấu gồm Trưởng BKS và 2 thành viên. Trong đó có 01 thành viên là đại diện cổ đông ngoài.
- Danh sách và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của các thành viên BKS:

Stt	Họ và Tên	Tổng số (%)	Trong đó		Ghi chú
			Tỷ lệ CP đại diện (%)	Tỷ lệ CP SH cá nhân (%)	
1	Bà Mai Hồng Khánh	0,005	0,00	0,005	Người Đại diện DPM (chiếm 75% vốn)
2	Bà Bùi Trịnh Vân Anh	0,000	0,00	0,00	Người Đại diện DPM (chiếm 75% vốn)
3	Bà Phạm Thị Á Châu	0,000	0,00	0,00	Theo đề cử của BKS nhiệm kỳ cũ

2.2. Hoạt động của BKS:

2.2.1. Thông tin về thành viên BKS

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Mai Hồng Khánh	TBKS	4/4	100%	100%	
2	Bà Bùi Trịnh Vân Anh	TV.BKS	4/4	100%	100%	
3	Bà Phạm Thị Á Châu	TV.BKS	4/4	100%	100%	



- 2.2.2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, BDH và cổ đông.
- Ban kiểm soát rà số liệu phát sinh và được ghi nhận trong các kỳ BCTC của Công ty với mục tiêu chú trọng vào các vấn đề trọng yếu, kiểm soát mức độ bảo toàn và phát triển nguồn vốn.
  - Giám sát tình hình triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023.
  - Giám sát thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty; Giám sát việc thực hiện các quy chế của Công ty.
  - Thực hiện báo cáo kiểm tra, giám sát hàng tháng, quý.
  - Tình hình chi trả cổ tức năm 2022: tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 ngày 25/04/2023 đã thống nhất thông qua mức chi cổ tức năm 2022 bằng Nghị quyết số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2023 (9%/mệnh giá cổ phần).
  - Công ty không thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2023 và sẽ chi cổ tức sau khi Đại hội đồng CĐ thông qua tỷ lệ chi cổ tức năm 2023.
- 2.2.3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, BDH và các cán bộ quản lý khác:

BKS đã có sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BDH trong việc tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS luôn nhận được sự hỗ trợ từ HĐQT, BDH và các phòng, đơn vị trực thuộc của Công ty để có số liệu, tài liệu, các bằng chứng của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và các thông tin cần thiết góp phần hoàn thành nhiệm vụ của BKS.

#### 2.2.4. Hoạt động khác của BKS

BKS xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm và phân công từng thành viên tham gia kết hợp cùng với Ban Kiểm toán nội bộ và các Ban chức năng của DPM để thực hiện kiểm tra các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của PSW.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BDH và BKS:

#### 3.1. Thù lao của HĐQT, BDH và BKS

Đvt: Triệu

0	Họ tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Tiền thưởng	Phúc lợi, Chi phí và lợi ích khác	Tổng cộng
<b>I.</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>						
1	Phạm Quý Hiền	CT. HĐQT	671,09		54,4	435,4	1.160,89
2	Chu Văn Hách	TV.HĐQT		48			48
3	Nguyễn Công Bằng	TV HĐQT kiêm GD	591,51		48,17	396,76	1.036,44
<b>II.</b>	<b>Ban kiểm soát</b>						2.245,33
1	Mai Hồng Khánh	T.BKS		42			42
2	Bùi Trịnh Văn Anh	TV.BKS		30			30
3	Phạm Thị Á Châu	TV.BKS		30			30
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.262,6</b>	<b>150</b>			<b>2.3476,33</b>

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (không)

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Bảng kê chi tiết các giao dịch với cổ đông nội bộ đính kèm).

- 3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị.

## PHẦN VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Báo cáo Tài chính năm 2023 của PSW đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán (*kèm theo Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán*).
2. Ý kiến kiểm toán:  
Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.  
Kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các thông tin thường niên (năm 2023) cần công bố theo quy định của PSW.

Trân trọng kính chào./.

### Nơi nhận:

- UB Chứng khoán Nhà nước;
- SGDCKHN;
- HĐQT, BKS (báo cáo);
- Các Phó GD, KTT (để biết);
- Lưu VT, TCHC, PHN.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Công Bằng



**THÔNG TIN CÁC GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY VỚI CÁ NHÂN/TỔ CHỨC  
CÓ LIÊN QUAN GIAO DỊCH MUA BÁN PHÂN BÓN**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối liên hệ với Công ty	Số giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngày ký HĐ/giao dịch	Số hiệu HĐ/giao dịch	Tóm tắt trích yếu nội dung HĐ/giao dịch	Ghi chú
1	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	9/1/2023	41	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón
2	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	13/1/2023	48-A8A	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón
3	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	31/1/2023	82	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón
4	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	2/2/2023	89-93-100	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón
5	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	13/2/2023	110	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
6	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	13/2/2023	110	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
7	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	13/2/2023	110	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón



8	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	13/2/2023	110	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
9	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	13/2/2023	110	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
10	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	13/2/2023	110	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
11	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	14/2/2023	111	Phân bón Đạm Phú Mỹ loại 2	Mua phân bón
12	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	14/2/2023	111-129-134	Phân bón Đạm Phú Mỹ loại 3	Mua phân bón
13	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	17/2/2023	120	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón
14	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	22/2/2023	127	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón
15	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	22/2/2023	127	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón
16	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	24/2/2023	133	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón

17	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	28/2/2023	141	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón
18	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	3/3/2023	155	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón
19	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	6/3/2023	157	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón
20	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	7/3/2023	158	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón
21	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	14/3/2023	165	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
22	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	15/3/2023	166	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón
23	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	16/3/2023	176A	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón
24	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	16/3/2023	174	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón
25	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	17/3/2023	179	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón

26	PVFCCo	CDL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	17/3/2023	180	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
27	PVFCCo	CDL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	20/3/2023	182	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón
28	PVFCCo	CDL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	20/3/2023	182	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón
29	PVFCCo	CDL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	22/3/2023	191	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón
30	PVFCCo	CDL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/3/2023	203	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
31	PVFCCo	CDL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/3/2023	203	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
32	PVFCCo	CDL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/3/2023	203	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
33	PVFCCo	CDL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/3/2023	203	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
34	PVFCCo	CDL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	6/3/2023	157	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón



35	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	6/3/2023	157	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón
36	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	15/3/2023	166	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón
37	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/3/2023	204	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón
38	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/3/2023	204	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón
39	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	3/4/2023	215	Phân bón Đạm Phú Mỹ (bao 1 mặt)	Mua phân bón
40	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	17/4/2023	244	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
41	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	13-14/4/2023	232-241	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón
42	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	27-28/4/2023	267-270	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón
43	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	27-28/4/2023	267-270	Phân bón Đạm Phú Mỹ (bao 1 mặt)	Mua phân bón

44	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	28/4/2023	268	Phân bón Đạm Phú Mỹ+KeBo	Mua phân bón
45	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	10/5/2023	281	Phân bón Đạm Phú Mỹ (bao 1 mặt)	Mua phân bón
46	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	10/5/2023	281	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón
47	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	10-15/5/2023	289-299	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón
48	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	15/5/2023	300	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón
49	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	15/5/2023	300	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón
50	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	22/5/2023	310	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón
51	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	22/5/2023	314	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
52	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	19/6/2023	402	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón

53	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	26/6/2023	415	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
54	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	3/7/2023	448	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón
55	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	5/7/2023	451	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón
56	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	5/7/2023	451	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón
57	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	18/7/2023	472	Phân bón Đạm Phú Mỹ (bao 1 mặt)	Mua phân bón
58	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	18-20/07/2023	472-479	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón
59	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	26/7/2023	496	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón
60	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	26/7/2023	496	Phân bón Đạm Phú Mỹ (bao 1 mặt)	Mua phân bón
61	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	28/7/2023	499	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón



62	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	2/8/2023	510	Phân bón Đạm Phú Mỹ (bao 1 mặt)	Mua phân bón
63	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	4/8/2023	518	Phân bón Kali Phú Mỹ	Mua phân bón
64	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	02-04/8/2023	510-521	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón
65	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	7/8/2023	532	Phân bón Đạm Phú Mỹ (bao 1 mặt)	Mua phân bón
66	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	7/8/2023	532	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón
67	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	15/8/2023	545	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
68	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	17/8/2023	549	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón
69	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	17/8/2023	549	Phân bón Đạm Phú Mỹ (bao 1 mặt)	Mua phân bón
70	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	5/9/2023	562	Phân bón Đạm Phú Mỹ+KeBo	Mua phân bón

71	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	6/9/2023	564	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón
72	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	18/9/2023	585	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón
73	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	28/9/2023	606	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
74	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	28/9/2023	606	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
75	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	28/9/2023	606	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
76	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	28/9/2023	606	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
77	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	5/10/2023	616-629	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón
78	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	13/10/2023	628	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
79	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	13/10/2023	628	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón

80	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	13/10/2023	628	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
81	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	13/10/2023	628	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
82	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	25/10/2023	638	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón
83	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/11/2023	724-747	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón
84	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/11/2023	747	Phân bón Đạm Phú Mỹ (bao 1 mặt)	Mua phân bón
85	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	11/12/2023	766	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
86	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	11/12/2023	766	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
87	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	11/12/2023	764	Kali Phú Mỹ	Mua phân bón
88	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	12/12/2023	763	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón



89	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	12/12/2023	763	Phân bón Đạm Phú Mỹ (bao 1 mặt)	Mua phân bón
90	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	22/12/2023	788-824-829	Phân bón Đạm Phú Mỹ	Mua phân bón
91	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	25/12/2023	823	Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
92	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	26/12/2023	824	Phân bón Đạm Phú Mỹ (bao 1 mặt)	Mua phân bón
93	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	28/12/2023	829	Phân bón Đạm Phú Mỹ - bao jumbo	Mua phân bón
94	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	28/12/2023		Phân bón NPK Phú Mỹ	Mua phân bón
95	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	28/12/2023	832	Kali Phú Mỹ	Mua phân bón

## GIAO DỊCH THỰC HIỆN DỊCH VỤ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối liên hệ với Công ty	Số giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngày ký HĐ/giao dịch	Tóm tắt trích yếu nội dung HĐ/giao dịch
1	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP HCM	229H/23/PVFCCo/TT&TT-PVFCCo-PSW/D-QC ngày 12/4/2023	Hợp đồng dịch vụ quảng cáo phân bón Phú Mỹ tại các tỉnh KV Tây Nam Bộ
2	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP HCM	229I/23/PVFCCo/TT&TT-PVFCCo-PSW/D_KM ngày 12/4/2023	Hợp đồng dịch vụ khuyến mại cho sản phẩm NPK Phú Mỹ tại các tỉnh KV Tây Nam Bộ
3	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP HCM	229J/23/PVFCCo/TTTT-PVFCCo PSW/D-KM ngày 12/4/2023	Hợp đồng dịch vụ khuyến mại "tặng nước rửa chén cho bà con nông dân khi mua sản phẩm NPK Phú Mỹ" tại các tỉnh KV Tây Nam Bộ
4	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP HCM	117/2023/PVFCCo/KHĐT-PVFCCo .SW/QL-BT ngày 16/2/2023	Hợp đồng dịch vụ quản lý- vận hành – bảo trì hệ thống kho PVFCCo
5	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP HCM	23/2023/PVFCCo/PB-PVFCCo SW/D-BX GN VC LK ngày 12/01/2023	Hợp đồng dịch vụ Logistics
6	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP HCM	740/23/PVFCCo/TT&TT-PVFCCo-PSW/D ngày 28/11/2023	Hợp đồng dịch vụ quảng cáo

**Ghi chú:** Tổng Công ty Phân bón và Hóa Chất Dầu Khí - CTCP (PVFCCo) là Cổ đông lớn (CĐL)

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ  
TÂY NAM BỘ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Deloitte  
STORED**



**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị:**

Ông Phạm Quý Hiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Công Bằng	Thành viên
Ông Chu Văn Hách	Thành viên độc lập

#### **Ban Giám đốc:**

Ông Nguyễn Công Bằng	Giám đốc
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ**  
Số 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều,  
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



---

**Nguyễn Công Bằng**  
Giám đốc

Ngày 07 tháng 3 năm 2024  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

1126  
ÔNG  
TINH  
M T  
LOI  
ỆT I  
ĐA



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07 tháng 3 năm 2024, từ trang 04 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0036-2023-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 07 tháng 3 năm 2024

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Lê Thu Phương  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 5603-2020-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>265.782.017.937</b>	<b>264.824.092.044</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>63.876.315.537</b>	<b>84.903.544.936</b>
1. Tiền	111		13.876.315.537	3.903.544.936
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	81.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>124.122.599.897</b>	<b>28.871.871.984</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	111.430.245.151	22.785.099.051
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	12.683.395.842	5.428.959.276
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		8.958.904	657.813.657
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>75.473.038.551</b>	<b>148.631.463.474</b>
1. Hàng tồn kho	141		81.429.848.636	154.669.292.423
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.956.810.085)	(6.037.828.949)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.310.063.952</b>	<b>2.417.211.650</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	718.362.928	180.708.087
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	1.591.701.024	2.236.503.563
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>18.973.154.192</b>	<b>20.879.561.689</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.469.701.411</b>	<b>20.116.585.849</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.336.525.946	4.827.240.337
- Nguyên giá	222		37.961.909.504	37.961.909.504
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.625.383.558)	(33.134.669.167)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	15.133.175.465	15.289.345.512
- Nguyên giá	228		15.835.487.425	15.863.087.425
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(702.311.960)	(573.741.913)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>503.452.781</b>	<b>762.975.840</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	503.452.781	762.975.840
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>284.755.172.129</b>	<b>285.703.653.733</b>


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>82.794.858.572</b>	<b>70.092.684.521</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>82.794.858.572</b>	<b>70.092.684.521</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	56.611.550.670	54.774.443.362
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	18.051.280.430	2.813.666.345
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	191.772.246	687.965.419
4. Phải trả người lao động	314		4.065.183.499	5.639.947.500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		916.748.749	380.159.516
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		61.580.000	789.630.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.896.742.978	5.006.872.379
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>201.960.313.557</b>	<b>215.610.969.212</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>201.960.313.557</b>	<b>215.610.969.212</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.000.000.000	170.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.928.985.693	18.928.985.693
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.031.327.864	26.681.983.519
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		11.381.983.519	17.723.959.024
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.649.344.345	8.958.024.495
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>284.755.172.129</b>	<b>285.703.653.733</b>

  
Lê Đức Tân  
Người lập biểu

  
Ngô Thị Hồng Nga  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Công Bằng  
Giám đốc




Ngày 07 tháng 3 năm 2024




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	3.274.874.800.458	3.516.703.921.283
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	17.408.969.050	17.507.384.175
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	17	3.257.465.831.408	3.499.196.537.108
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	3.215.649.118.441	3.442.340.640.296
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		41.816.712.967	56.855.896.812
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	828.166.436	1.174.090.181
7. Chi phí tài chính	22		1.512.500.356	1.173.591.536
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.278.501.368	1.094.025.536
8. Chi phí bán hàng	25	21	26.238.496.802	30.291.955.770
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	15.303.593.354	17.098.898.146
10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(409.711.109)	9.465.541.541
11. Thu nhập khác	31	22	3.285.694.958	4.707.490.520
12. Chi phí khác	32		169.500.879	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.116.194.079	4.707.490.520
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.706.482.970	14.173.032.061
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	644.802.539	2.975.501.442
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		2.061.680.431	11.197.530.619
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	97	527

  
Lê Đức Tân  
Người lập biểu

  
Ngô Thị Hồng Nga  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Công Bằng  
Giám đốc



Ngày 07 tháng 3 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.706.482.970	14.173.032.061
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.627.753.480	1.445.400.873
Các khoản dự phòng	03	(81.018.864)	6.037.828.949
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(201.000)	(231.000)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(827.965.436)	(1.173.119.181)
Chi phí lãi vay	06	1.278.501.368	1.094.025.536
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.703.552.518	21.576.937.238
Thay đổi các khoản phải thu	09	(95.268.070.378)	77.784.301.031
Thay đổi hàng tồn kho	10	73.239.443.787	(79.177.708.163)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	15.185.213.685	(39.292.109.570)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(259.000.824)	266.214.584
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.278.501.368)	(1.094.025.536)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(133.260.233)	(9.343.019.744)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.522.465.487)	(7.478.251.607)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.333.088.300)	(36.757.661.767)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	-	(1.033.580.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	20.000.000.000
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	845.307.901	1.307.998.633
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	845.307.901	20.274.418.633
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.539.650.000)	(29.265.950.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(15.539.650.000)	(29.265.950.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(21.027.430.399)	(45.749.193.134)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	84.903.544.936	130.652.507.070
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	201.000	231.000
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	63.876.315.537	84.903.544.936

Lê Đức Tân  
Người lập biểu

Ngô Thị Hồng Nga  
Kế toán trưởng

Nguyễn Công Bằng  
Giám đốc

Ngày 07 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800722461 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 12 ngày 01 tháng 11 năm 2021. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ - được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800722461 ngày 15 tháng 8 năm 2008.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội từ ngày 30 tháng 6 năm 2015 với mã chứng khoán là PSW.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP ("Tổng Công ty"). Công ty mẹ tối cao của cả Tập đoàn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Công ty có văn phòng chính tại số 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam và hệ thống các kho tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 56 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 51 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hoá;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu hoặc đại lý làm thủ tục hải quan);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; và
- Bán buôn vật tư nông nghiệp, giống, hạt giống cây trồng, con giống thủy hải sản các loại; Dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất khác có liên Quan; Xuất nhập khẩu phân bón hóa chất và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, hàng nông lâm thủy hải sản.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón.

**Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.





### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	6
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Phương tiện vận tải	6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại, chi phí thanh lý của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn, bản quyền phần mềm và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn là giá trị quyền sử dụng đất của kho Đồng Tháp và Tòa nhà Văn phòng tại số 151/18 đường Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Công ty không trích khấu hao đối với các quyền sử dụng đất này.

Giá trị bản quyền phần mềm và phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 - 05 năm.

#### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí bảng hiệu đại lý, chi phí sửa chữa văn phòng, công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí bảng hiệu đại lý, chi phí sửa chữa văn phòng không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định, được ghi nhận là các khoản trả trước và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 3 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.



#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày nghiệm thu dịch vụ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.





Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	422.936.547	117.455.944
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.453.378.990	3.786.088.992
Các khoản tương đương tiền (i)	50.000.000.000	81.000.000.000
	<b>63.876.315.537</b>	<b>84.903.544.936</b>

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,9%/năm đến 2,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: lãi suất từ 5,7%/năm đến 6%/năm).

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH VTNN Hưng Thạnh	40.658.619.230	1.308.220.000
Công ty TNHH TMDV XNK Tường Nguyên	23.790.129.728	-
Doanh nghiệp Tư nhân Trần Thị Ngoan	19.873.856.018	12.785.103.000
Công ty TNHH Út Nữ	12.540.000.000	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	5.134.568.701	8.384.152.078
Các khách hàng khác	9.433.071.474	307.623.973
	<b>111.430.245.151</b>	<b>22.785.099.051</b>
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 25)	5.134.568.701	8.672.050.919

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	12.417.238.403	5.013.985.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	266.157.439	414.974.276
	<b>12.683.395.842</b>	<b>5.428.959.276</b>
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 25)	12.683.395.842	5.428.959.276



7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	933.511.497	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	68.206.320	-
Hàng hoá	80.496.337.139	(5.956.810.085)	154.601.086.103	(6.037.828.949)
	<b>81.429.848.636</b>	<b>(5.956.810.085)</b>	<b>154.669.292.423</b>	<b>(6.037.828.949)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị thuần có thể thực hiện được của một số hàng hóa đang thấp hơn giá gốc với số tiền là 5.956.810.085 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 6.037.828.949 VND).

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 81.018.864 VND (năm trước: trích lập 6.037.828.949 VND).

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Chi phí bảng hiệu đại lý	245.221.502	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn	473.141.426	180.708.087
	<b>718.362.928</b>	<b>180.708.087</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Chi phí sửa chữa văn phòng	328.420.415	262.595.451
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	175.032.366	500.380.389
	<b>503.452.781</b>	<b>762.975.840</b>

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	25.815.691.083	128.128.000	4.071.610.421	7.946.480.000	37.961.909.504
Số dư cuối năm	25.815.691.083	128.128.000	4.071.610.421	7.946.480.000	37.961.909.504
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	23.303.440.693	128.128.000	3.125.861.551	6.577.238.923	33.134.669.167
Khấu hao trong năm	685.031.233	-	367.916.492	437.766.666	1.490.714.391
Số dư cuối năm	23.988.471.926	128.128.000	3.493.778.043	7.015.005.589	34.625.383.558
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	2.512.250.390	-	945.748.870	1.369.241.077	4.827.240.337
Tại ngày cuối năm	1.827.219.157	-	577.832.378	931.474.411	3.336.525.946

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 26.155.292.840 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 26.013.692.840 VND).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền phần mềm VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	15.014.545.425	198.400.000	650.142.000	15.863.087.425
Giảm khác	-	-	(27.600.000)	(27.600.000)
Số dư cuối năm	<u>15.014.545.425</u>	<u>198.400.000</u>	<u>622.542.000</u>	<u>15.835.487.425</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	-	198.400.000	375.341.913	573.741.913
Khấu hao trong năm	-	-	137.039.089	137.039.089
Giảm khác	-	-	(8.469.042)	(8.469.042)
Số dư cuối năm	-	<u>198.400.000</u>	<u>503.911.960</u>	<u>702.311.960</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	<u>15.014.545.425</u>	-	<u>274.800.087</u>	<u>15.289.345.512</u>
Tại ngày cuối năm	<u>15.014.545.425</u>	-	<u>118.630.040</u>	<u>15.133.175.465</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 634.572.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 198.400.000 VND).

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	54.342.832.500	51.848.160.000
Các nhà cung cấp khác	2.268.718.170	2.926.283.362
	<u>56.611.550.670</u>	<u>54.774.443.362</u>
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 25)	<u>54.342.832.500</u>	<u>51.848.160.000</u>

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH VTNN Hưng Thạnh	10.740.883.320	763.625.039
Công ty TNHH TM DV Vận Tải Đông Đông Nam	4.617.570.000	-
Doanh nghiệp Tư nhân Kim Hoàng	-	1.058.488.050
Các khách hàng khác	2.692.827.110	991.553.256
	<u>18.051.280.430</u>	<u>2.813.666.345</u>



13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/bù trừ trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.236.503.563	644.802.539	-	1.591.701.024
	<b>2.236.503.563</b>	<b>644.802.539</b>	-	<b>1.591.701.024</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	155.777.142	950.068.679	932.871.218	172.974.603
Thuế thu nhập doanh nghiệp	133.260.233	-	133.260.233	-
Thuế thu nhập cá nhân	398.928.044	2.156.376.819	2.536.507.220	18.797.643
Thuế nhập khẩu	-	913.333.782	913.333.782	-
Các loại thuế khác	-	5.843.469	5.843.469	-
	<b>687.965.419</b>	<b>4.025.622.749</b>	<b>4.521.815.922</b>	<b>191.772.246</b>

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>170.000.000.000</b>	<b>18.928.985.693</b>	<b>46.623.959.024</b>	<b>235.552.944.717</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	11.197.530.619	11.197.530.619
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.239.506.124)	(2.239.506.124)
Chia cổ tức	-	-	(28.900.000.000)	(28.900.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>170.000.000.000</b>	<b>18.928.985.693</b>	<b>26.681.983.519</b>	<b>215.610.969.212</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	2.061.680.431	2.061.680.431
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(412.336.086)	(412.336.086)
Chia cổ tức (ii)	-	-	(15.300.000.000)	(15.300.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>170.000.000.000</b>	<b>18.928.985.693</b>	<b>13.031.327.864</b>	<b>201.960.313.557</b>

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, trong năm, Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 412.336.086 VND, tương ứng với 20% lợi nhuận sau thuế của năm 2023.
- (ii) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023, Hội đồng Quản trị ban hành Nghị quyết số 15/NQ-TNB ngày 22 tháng 8 năm 2023, theo đó, Công ty chi trả cổ tức năm 2022 cho cổ đông với mức 9%/mệnh giá (900 VND/cổ phiếu) tương đương 15.300.000.000 VND.

**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ của Công ty**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 170.000.000.000 VND.  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Số đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	127.500.000.000	75%	127.500.000.000	75%
Cổ đông khác	42.500.000.000	25%	42.500.000.000	25%
	<b>170.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>170.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**15. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Hàng hoá nhận giữ hộ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nhận giữ hộ hàng hóa là phân bón các loại của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP với số lượng 19.728,9 tấn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 38.850,8 tấn).

**16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là kinh doanh các loại phân bón, trong khi các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón. Doanh thu, giá vốn theo từng loại hình và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 17 và số 18.

Trong năm, các sản phẩm phân bón của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại khu vực các tỉnh miền Tây Nam Bộ, Công ty không có hoạt động xuất khẩu và tiêu thụ ở các vùng khác tại Việt Nam, theo đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu URE Phú Mỹ	1.766.245.450.000	1.950.270.975.000
Doanh thu Kali Phú Mỹ	293.671.310.000	143.839.310.000
Doanh thu NPK Phú Mỹ	183.841.680.000	313.043.492.500
Doanh thu các loại phân bón khác	1.005.448.522.000	1.082.042.578.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	25.667.838.458	27.507.565.783
	<b>3.274.874.800.458</b>	<b>3.516.703.921.283</b>
Chiết khấu thương mại	(17.408.969.050)	(17.507.384.175)
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>3.257.465.831.408</b>	<b>3.499.196.537.108</b>
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 25)	125.649.832.608	27.933.969.764



18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn URE Phú Mỹ	1.694.605.040.876	1.908.616.380.363
Giá vốn Kali Phú Mỹ	301.190.737.253	127.900.084.986
Giá vốn NPK Phú Mỹ	190.129.549.765	297.509.893.654
Giá vốn các loại phân bón khác	1.005.297.289.055	1.075.157.119.331
Giá vốn cung cấp dịch vụ và giá vốn khác	24.507.520.356	27.119.333.013
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(81.018.864)	6.037.828.949
	<b>3.215.649.118.441</b>	<b>3.442.340.640.296</b>

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	626.622.149	669.094.449
Chi phí nhân công	19.178.758.517	21.631.215.286
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.627.753.480	1.445.400.873
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.323.371.761	38.058.282.786
Chi phí khác bằng tiền	11.428.324.958	13.591.004.826
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(81.018.864)	6.037.828.949
	<b>69.103.812.001</b>	<b>81.432.827.169</b>

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	827.965.436	1.173.119.181
Lãi chênh lệch tỷ giá	201.000	971.000
	<b>828.166.436</b>	<b>1.174.090.181</b>

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	9.418.323.799	10.676.194.755
Chi phí khấu hao tài sản cố định	331.262.197	442.765.833
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.496.351.454	8.200.312.400
Các khoản chi phí bán hàng khác	8.992.559.352	10.972.682.782
	<b>26.238.496.802</b>	<b>30.291.955.770</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	7.812.895.806	9.261.679.297
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.131.818.510	3.547.167.316
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.296.491.283	1.002.635.040
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.062.387.755	3.287.416.493
	<b>15.303.593.354</b>	<b>17.098.898.146</b>



22. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hàng được biếu tặng	3.166.497.991	4.701.165.520
Các khoản khác	119.196.967	6.325.000
	<b>3.285.694.958</b>	<b>4.707.490.520</b>

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	618.431.123	2.975.501.442
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	26.371.416	
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>644.802.539</b>	<b>2.975.501.442</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>2.706.482.970</b>	<b>14.173.032.061</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	385.672.644	704.475.149
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>3.092.155.614</b>	<b>14.877.507.210</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>618.431.123</b>	<b>2.975.501.442</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại khác vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>2.061.680.431</b>	<b>11.197.530.619</b>
Tạm trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND) (*)	(412.336.086)	(2.239.506.124)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>1.649.344.345</b>	<b>8.958.024.495</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	17.000.000	17.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>97</b>	<b>527</b>

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, số liệu trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi là số tạm tính theo kết quả kinh doanh trong năm. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của công ty có thể sẽ cần điều chỉnh tương ứng khi phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 chính thức được thông qua ở Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Cùng Công ty mẹ
Các đơn vị là các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Các đơn vị cùng Tập đoàn

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	99.857.000.000	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	25.792.832.608	26.952.705.589
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	-	612.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	369.264.175
<b>Mua hàng hóa</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	2.174.552.561.998	2.468.893.447.500
<b>Nhận chiết khấu thương mại</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	50.040.978.500	31.261.047.650
<b>Phí sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	148.816.837	340.859.977
<b>Chia cổ tức</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	11.475.000.000	21.675.000.000
<b>Nhận hàng khuyến mại</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	4.166.497.991	4.701.165.520



Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>5.134.568.701</b>	<b>8.672.050.919</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	5.134.568.701	8.384.152.078
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	287.898.841
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>12.683.395.842</b>	<b>5.428.959.276</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	12.417.238.403	5.013.985.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	266.157.439	414.974.276
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	-	631.512.288
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	54.342.832.500	51.848.160.000
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	-	488.400.000


Thù lao Hội đồng Quản trị, thu nhập Ban Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng từ Công ty trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Phạm Quý Hiến - Chủ tịch HĐQT	1.160.895.738	1.474.844.192
Ông Nguyễn Công Bằng - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	1.036.443.146	1.288.572.990
Ông Lê Thanh Tùng - Phó Giám đốc	970.619.933	1.210.394.190
Ông Chu Văn Hách - Ủy viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Bà Mai Hồng Khánh - Trưởng Ban kiểm soát	42.000.000	42.000.000
Bà Bùi Trịnh Văn Anh - Thành viên Ban Kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Bà Phạm Thị Á Châu - Thành viên Ban Kiểm soát	30.000.000	30.000.000
	<b>3.317.958.817</b>	<b>4.123.811.372</b>

26. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền thu từ đi vay và tiền trả nợ gốc vay trong năm không bao gồm 412.000.000.000 VND (năm trước: 280.610.000.000 VND) là các khoản đi vay có thời hạn thanh toán không quá 3 tháng.

  
Lê Đức Tân  
Người lập biểu

  
Ngô Thị Hồng Nga  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Công Bằng  
Giám đốc

Ngày 07 tháng 3 năm 2024